Market Highlight

VietinBankSc

04 July 2014

HOSE 04/07/2014

VNINDEX	589.35	4.33	0.74%

KLGD	132,764,372	CP
GTGD	2,504.08	Tỷ
GTR NDTNN	0.00	Tỷ
CP Tăng giá	118	CP
CP Giảm giá	79	CP
CP Đứng giá	107	CP

HNX 04/7/2014

HNXINDEX	79.44	-0.21	-0.27%

KLGD	66,360,180	CP
GTGD	686.39	Tỷ
GTR NDTNN	0.00	Tỷ
CP Tăng giá	108	CP
CP Giảm giá	90	CP
CP Đứng giá	181	CP

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	631.02	3.85	0.61%
HNX30	161.30	-1.02	-0.63%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Áp lực điều chỉnh xuất hiện ở nhiều mã, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- **Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì ở mức khá cao**
  Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3.300 tỷ đồng
- **6 tháng, bội chi ngân sách đã vượt ngưỡng 78,800 tỷ đồng**
  Số bội chi này bằng 35.2% mức bội chi Quốc hội quyết định đầu năm
  Thời báo Ngân hàng
- **Tổng vốn FDI đăng ký đạt 6.85 tỷ USD**
  Giảm 35.3% so với cùng kỳ năm trước
  NDH
- **Tỷ lệ thất nghiệp Mỹ xuống thấp nhất 6 năm**
  Tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ hiện đã giảm xuống mức 6.1%
  Trí Thức Trẻ/Bloomberg
- **DPR: Lãi trước thuế 6 tháng ước đạt 91.4 tỷ đồng**
  Với kết quả này, DPR mới chỉ hoàn thành được 37% kế hoạch năm.
  Công Lý
- **VIC: Dự kiến chi hàng ngàn tỷ đồng trả cổ tức 2013**
  Vingroup dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 21.49% và cổ phiếu tỷ lệ 48.7%
  NDH

Thị trường / Ngành

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,033,688	14.1	3.2	20.8%	11.1%
HNX	128,435	17.9	1.6	7.4%	4.0%
Toàn bộ thị trường	**1,162,123**	**16.0**	**3.0**	**19.6%**	**10.4%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,945	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,181	6.8	1.4	20.8%	15.2%
Thép và sản phẩm thép	38,068	20.6	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng	12,117	52.9	5.0	2.1%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,963	17.5	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	29,732	- 35.0	1.1	-4.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,332	6.4	1.4	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,162	14.1	1.4	14.3%	10.9%
Lốp xe	7,726	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,837	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	200,607	22.9	4.8	21.8%	16.9%
Dược phẩm	15,532	12.1	3.1	25.7%	16.7%
Phần mềm	16,870	10.4	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,005	- 5.6	1.2	-6.9%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,623	18.1	5.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,308	23.0	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,255	14.2	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng	246,891	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	134,771	11.4	2.4	27.2%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,587	10.1	2.0	20.4%	8.4%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tin kinh tế

6 tháng, bội chi ngân sách đã vượt ngưỡng 78,800 tỷ đồng

Theo Bộ Tài chính, thu NSNN 6 tháng đầu năm 2014 ước đạt 413.56 nghìn tỷ đồng, bằng 52.8% dự toán, tăng 15.8% mức thực hiện cùng kỳ năm 2013; chi NSNN thực hiện 6 tháng đầu năm ước đạt 492.37 nghìn tỷ đồng, bằng 48.9% dự toán, tăng 8.8% so với cùng kỳ. Như vậy, bội chi NSNN 6 tháng đầu năm 2014 ước khoảng 78.81 nghìn tỷ đồng, bằng 35.2% mức bội chi Quốc hội quyết định đầu năm. Số bội chi được bù đắp bằng vay trong nước và vay ngoài nước theo kế hoạch.

Tổng vốn FDI đăng ký đạt 6.85 tỷ USD

Trong 6 tháng đầu năm 2014, tổng vốn đăng ký đạt 6.85 tỷ USD, giảm 35.3% so với cùng kỳ; tổng vốn thực hiện đạt 5.75 tỷ USD, giảm 0.9%. Tính đến ngày 20/6/2014, cả nước có 656 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đầu tư, giảm 5.1% so với cùng kỳ năm 2013, trong khi có 219 lượt dự án đăng ký tăng vốn đầu tư, giảm 33.4%. Tổng vốn đăng ký cấp mới trong 6 tháng đạt 4.86 tỷ USD, giảm 6.8% so với cùng kỳ năm 2013; trong khi vốn đăng ký tăng thêm đạt suýt soát 2 tỷ USD, giảm 63%. Trong 6 tháng, nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 17 lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được nhiều sự quan tâm nhất với 326 dự án đầu tư đăng ký mới và 168 lượt dự án tăng vốn. Tổng số vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 4.8 tỷ USD.

Tỷ lệ thất nghiệp Mỹ xuống thấp nhất 6 năm

Theo báo cáo vừa được Bộ Lao động Mỹ công bố hôm nay (3/7), số việc làm mới được tạo ra trên thị trường lao động Mỹ trong tháng 6 đã ở mức cao hơn dự báo trong khi tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 6.1% - thấp nhất 6 năm. Những con số này càng củng cố thêm niềm tin cho rằng thị trường lao động tươi sáng hơn sẽ giúp cải thiện tình hình kinh tế Mỹ. Cụ thể, theo báo cáo này, đã có 288,000 việc làm mới được tạo ra trong tháng 6, cao hơn mức 224,000 của tháng 5 và cũng cao hơn mức dự báo 215,000 được đưa ra trước đó. Nền kinh tế hồi phục sau khi suy giảm trong quý 1 đang khuyến khích các công ty tuyển dụng thêm lao động, tạo tiền đề để lương tăng lên và sau đó thúc đẩy tiêu dùng.

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tin doanh nghiệp

DPR: Lãi trước thuế 6 tháng ước đạt 91.4 tỷ đồng

CTCP Cao su Đồng Phú (HOSE: DPR) cho biết lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm ước đạt 91.4 tỷ đồng, hoàn thành 36.7% kế hoạch. Cụ thể, 6 tháng đầu năm 2014, sản lượng khai thác DPR đạt 5,116 tấn, đạt 33.8% kế hoạch năm, vượt 3.8% so với tiến độ yêu cầu; tiêu thu được 6,411 tấn (33.7% kế hoạch năm), giá bán bình quân là 43.6 triệu đồng/tấn. Theo đó, lợi nhuận trước thuế ước đạt 91.4 tỷ đồng, bằng 36.7% kế hoạch. Bên cạnh đó, DPR đã tiến hành tái canh 200 ha trên 460 ha theo kế hoạch. HĐQT DPR cũng thống nhất chi cổ tức đợt 3/2013 với tỷ lệ 10% và thông qua việc triển khai các thủ tục đăng ký mua 2 triệu cổ phiếu quỹ năm 2014

VIC: Dự kiến chi hàng ngàn tỷ đồng trả cổ tức 2013

HĐQT Tập đoàn Vingroup (HOSE: VIC) đã quyết định phương án chi trả cổ tức hàng ngàn tỷ đồng bằng tiền mặt và cổ phần từ lợi nhuận lũy kế sau thuế năm 2013. Theo đó, HĐQT Vingroup đang xin phê duyệt chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 21.49%, tương đương gần 1,998 tỷ đồng. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm nay khá cao do Vingroup đạt kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm ấn tượng và đã không thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các năm 2011, 2012. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng trình Đại hội cổ đông thông qua việc phát hành thêm cổ phần để trả cổ tức năm 2013 theo tỷ lệ 1,000:487 cho các cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần dự kiến phát hành thêm để trả cổ tức là 452,734,000 cổ phần với tổng giá trị 4,527.34 tỷ đồng. Nguồn vốn để trả cổ tức là từ lợi nhuận sau thuế lũy kế của Vingroup là hơn 6,563 tỷ đồng.

ASP: Dự kiến phát hành 14.7 triệu cổ phiếu trong tháng 7/2014

CTCP Tập đoàn dầu khí Anpha (HOSE: ASP) dự kiến phát hành 14.67 triệu cổ phần cho CTCP Saisan (13.5 triệu cổ phiếu) và Đinh Ngọc Hải (1.17 triệu cổ phiếu) với mức giá chào bán là 10,000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện đợt phát hành dự kiến trong tháng 7/2014. Ban lãnh đạo ASP cho biết nguồn vốn nhận được sẽ dùng để (1) cơ cấu lại vốn lưu động, (2) củng cố và phát tiển hệ thống khí đốt dân dụng, (3) thực hiện dự án phát triển kinh doanh khí đốt trong lĩnh vực Công nghiệp và Giao thông vận tải và cuối cùng để (4) đầu tư hợp tác trong lĩnh vực sản xuất và tồn trữ khí đốt.

Market Highlight

VietinBankSc

HOSE	04/07/2014	VNINDEX	589.35	4.33	0.74%	132,764,372 CP	2,504.08 bil VND

Áp lực điều chỉnh xuất hiện ở nhiều mã, 2 sàn đóng cửa trái chiều

VN-Index tăng 4.33 điểm (+0.74%), đóng cửa tại mức 589.35 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài vừa phải, tăng điểm gần như cả phiên giao dịch.

- MACD tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.
- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- MA10, MA20 gia tăng và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh
- RSI (14) gia tăng lên mức 69. Điều này cho thấy sức mạnh của thị trường đang gia tăng.

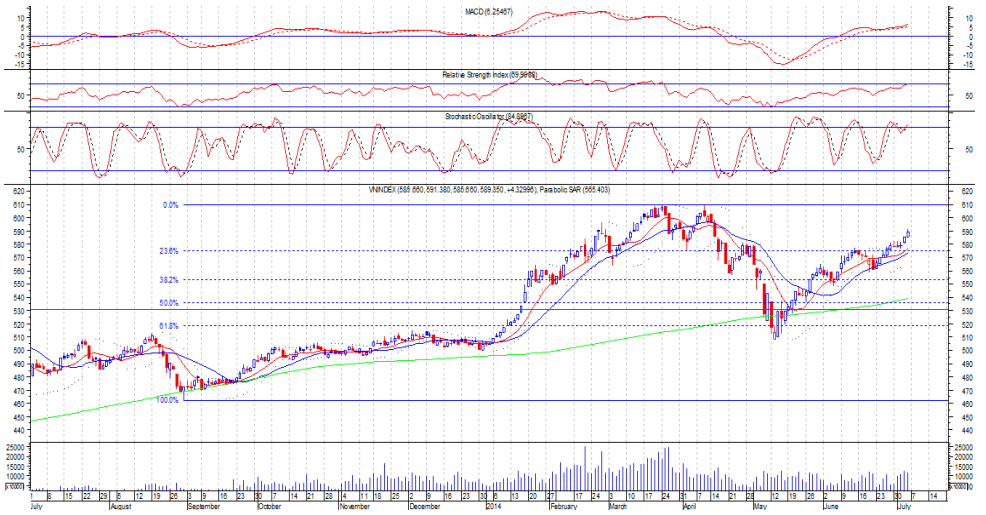

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.8%)	16,589,850
ITA	0 (0.0%)	7,914,490
HQC	0.1 (1.2%)	5,304,640
SSI	-0.1 (-0.4%)	4,532,460
HAG	0 (0.0%)	2,768,850

HOSE Top 5 theo % tăng

DAG	0.9 (7.0%)	79,460
VPK	1.5 (6.8%)	114,900
LGC	1.5 (6.7%)	26,870
ASIAGF	0.6 (6.7%)	60
GSP	0.8 (6.7%)	301,660

HOSE Top 5 theo % giảm

VSI	-0.6 (-7.0%)	1,050
SVI	-2.9 (-7.0%)	440
COM	-2.4 (-6.9%)	10
VTB	-0.7 (-6.6%)	9,920
TMS	-2.2 (-6.5%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GMD	163,3	tỷ	5,101,682
CSM	19,5	tỷ	445,720
DRC	6,9	tỷ	132,500
VIC	3,6	tỷ	53,800
HDG	3,0	tỷ	100,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-67,6	tỷ	1,221,120
HAG	-14,2	tỷ	568,320
DPM	-8,3	tỷ	257,880
VSH	-7,3	tỷ	470,000
GAS	-3,3	tỷ	29,920

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,366,622	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- Giao dịch vẫn diễn ra khá tích cực, đà tăng trên diện rộng. VN-Index duy trì mức tăng suốt thời gian giao dịch dù đà bán xuất hiện nhiều ở cuối phiên.
- KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 117 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, thể hiện tâm lý nhà đầu tư vẫn đang dần được cải thiện.
- Khối ngoại mua ròng 100 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- VN-Index tiếp tục gia tăng tới vùng đỉnh cũ 600 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	112.0	212,240.00	18.7	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	130.0	108,346.40	16.6	5.6	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.1	69,557.27	15.7	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	91.5	67,244.39	203.9	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	66.5	59,466.99	7.9	3.8	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.2	42,730.28	9.3	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.9	29,192.22	23.0	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	11.2	2.6	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.4	23,307.24	10.7	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.2	3,377.35	13.9	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.5	17,022.76	10.3	2.2	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.2	2,279.80	16.0	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.5	3,206.23	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.0	729.00	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.3	532.87	1.9	0.9	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	04/07/2014	HNX-Index	79.44	-0.21	-0.27%	66,360,180 CP	686.39 bil. VND

Áp lực điều chỉnh xuất hiện ở nhiều mã, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index giảm 0.21 điểm (-0.27%), đóng cửa tại mốc 79.44 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, chỉ số này điều chỉnh sau 5 phiên tăng điểm liên tiếp trước đó.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD gia tăng mạnh, cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn đang khá mạnh.
- RSI (14) giảm nhẹ về mức 64.
- HNX-Index đang chinh phục lại vùng kháng cự 80 điểm.

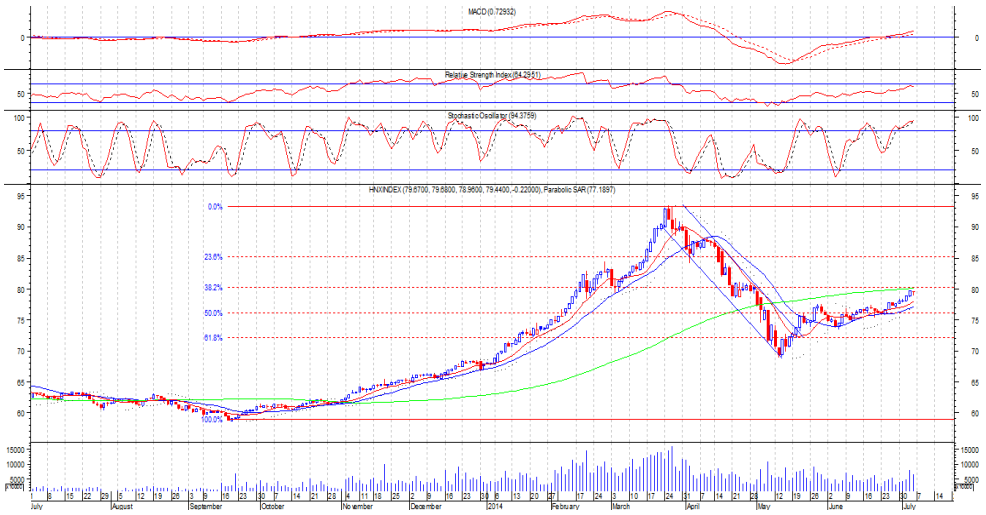

HNX Top 5 theo KLGD

SCR	0.3 (3.4%)	8,294,760
PVX	-0.1 (-2.2%)	7,426,980
KLS	0 (0.0%)	5,121,210
KLF	0.1 (0.9%)	5,073,100
SHB	0.1 (1.1%)	4,113,880

HNX Top 5 theo % tăng

AMC	2 (10.0%)	300
SJC	0.9 (9.8%)	300
SEB	3 (9.7%)	1,000
HDA	1.1 (9.6%)	23,800
APG	0.5 (9.6%)	411,600

HNX Top 5 theo % giảm

CT6	-0.8 (-9.9%)	400
KST	-0.7 (-9.9%)	100
SDE	-0.8 (-9.8%)	1,000
QST	-1.2 (-9.3%)	100
HBS	-0.5 (-9.1%)	16,400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	20,7	tỷ	684,200
VND	1,9	tỷ	111,000
SHB	0,6	tỷ	63,200
PVG	0,5	tỷ	44,000
IVS	0,3	tỷ	42,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

KLS	-4,7	tỷ	375,000
PVC	-2,0	tỷ	104,000
LAS	-1,7	tỷ	48,000
VIG	-1,5	tỷ	289,000
VCG	-0,2	tỷ	11,800

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,256,200	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- Sàn HNX chịu ảnh hưởng nhiều của ACB, nên HNX-Index gần như giảm điểm cả phiên giao dịch dù mức tăng vẫn diễn ra trên diện rộng.
- KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 64 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức khá, thể hiện tâm lý nhà đầu tư vẫn đang dần được cải thiện.
- Khối ngoại mua ròng 23 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- NĐT có thể gia tăng lượng hàng có sẵn, xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì. Với nhiều mã đã tăng trưởng tốt, NĐT có thể xem xét chốt lời.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.6	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	30.4	13,579.69	8.9	1.6	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	- 264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.9	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.1	6,228.12	13.8	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.5	5,100.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.4	4,373.03	15.8	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
VNR	131.1	21.0	2,752.60	7.8	1.1	14.5%	7.0%
LAS	77.8	35.3	2,747.47	6.1	1.9	33.5%	17.5%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.7	1,204.60	7.9	1.4	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.2	380.16	7.3	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.9	1,638.23	11.6	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	18.9	945.00	11.5	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	13.73%	91.5	203.91	4.57	194,805	132,751	160,758
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	13.68%	66.5	7.88	3.77	294,130	221,290	415,592
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	13.62%	55.5	11.19	2.57	927,656	703,032	659,544
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	9.64%	84.0	10.91	2.26	357,649	354,830	364,676
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	8.07%	25.0	14.79	1.36	2,542,349	2,473,381	2,841,702
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	7.65%	20.4	10.65	1.41	2,832,262	2,722,030	1,545,816
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.27	6.07%	26.1	15.67	1.57	657,456	583,598	628,030
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.32%	32.3	6.44	1.40	847,827	889,035	1,426,451
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.07%	8.5	107.50	0.78	5,297,726	5,216,112	5,898,717
BVH	HOSE	680.5	29,192.22	2.45%	42.9	22.97	2.26	205,261	194,988	360,070
KBC	HOSE	389.8	4,560.19	2.33%	11.7	26.86	0.90	1,498,781	1,209,819	922,994
HSG	HOSE	96.3	4,411.14	2.28%	45.8	11.09	1.96	113,488	97,798	148,265
GMD	HOSE	114.4	3,844.57	1.97%	33.6	126.52	0.86	210,745	197,947	279,849
VSH	HOSE	206.2	3,217.36	1.58%	15.6	15.07	1.21	712,877	429,893	463,694
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	1.47%	20.6	7.21	1.17	272,558	230,520	437,699
CSM	HOSE	67.3	2,947.39	1.45%	43.8	7.95	2.27	570,392	434,535	395,771
DRC	HOSE	83.1	4,361.38	1.34%	52.5	11.17	2.92	375,632	231,631	238,848
HVG	HOSE	120.0	2,868.00	1.24%	23.9	15.02	1.24	778,560	656,225	556,167
PVT	HOSE	255.9	3,377.35	1.16%	13.2	13.87	1.17	2,154,067	1,398,900	932,848
DIG	HOSE	143.0	2,402.33	1.06%	16.8	45.11	1.01	205,724	225,156	308,746
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.82%	11.2	49.45	1.05	1,414,916	1,445,209	1,912,692

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	7.67%	20.4	10.65	1.41	2,832,262	2,722,030	1,545,816
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	7.43%	91.5	203.91	4.57	194,805	132,751	160,758
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.27	7.31%	26.1	15.67	1.57	657,456	583,598	628,030
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	6.29%	66.5	7.88	3.77	294,130	221,290	415,592
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	5.63%	32.3	6.44	1.40	847,827	889,035	1,426,451
BVH	HOSE	680.5	29,192.22	5.63%	42.9	22.97	2.26	205,261	194,988	360,070
PVS	HNX	446.7	13,579.69	5.50%	30.4	8.87	1.58	2,863,740	2,126,956	2,090,547
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.79%	84.0	10.91	2.26	357,649	354,830	364,676
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.48%	8.5	107.50	0.78	5,297,726	5,216,112	5,898,717
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.36%	9.3	10.86	0.83	8,127,291	6,116,689	6,785,978
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	3.27%	25.0	14.79	1.36	2,542,349	2,473,381	2,841,702
VCG	HNX	441.7	6,228.12	3.21%	14.1	13.75	1.10	1,239,095	1,410,418	1,791,846
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.07%	11.2	49.45	1.05	1,414,916	1,445,209	1,912,692
DRC	HOSE	83.1	4,361.38	1.52%	52.5	11.17	2.92	375,632	231,631	238,848
GMD	HOSE	114.4	3,844.57	1.49%	33.6	126.52	0.86	210,745	197,947	279,849
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	1.32%	20.6	7.21	1.17	272,558	230,520	437,699
PVT	HOSE	255.9	3,377.35	1.16%	13.2	13.87	1.17	2,154,067	1,398,900	932,848
PVX	HNX	400.0	1,760.00	0.00%	4.4	- 0.80	2.25	5,012,916	5,966,571	7,652,164

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.00%	66.5	7.88	3.77	294,130	221,290	415,592
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.00%	91.5	203.91	4.57	194,805	132,751	160,758
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.00%	32.3	6.44	1.40	847,827	889,035	1,426,451
HAG	HOSE	718.2	17,953.87	0.00%	25.0	14.79	1.36	2,542,349	2,473,381	2,841,702
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.27	0.00%	26.1	15.67	1.57	657,456	583,598	628,030
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.00%	20.4	10.65	1.41	2,832,262	2,722,030	1,545,816
BVH	HOSE	680.5	29,192.22	0.00%	42.9	22.97	2.26	205,261	194,988	360,070
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.64	0.99	275,075	262,755	454,779
GAS	HOSE	1,895.0	212,240.00	0.00%	112.0	18.70	5.93	319,513	338,451	454,017

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,244.39	0.88%	91.5	203.91	4.57	194,805	132,751	160,758
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.56%	66.5	7.88	3.77	294,130	221,290	415,592
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.31%	20.4	10.65	1.41	2,832,262	2,722,030	1,545,816
VCB	HOSE	2,665.0	69,557.27	0.24%	26.1	15.67	1.57	657,456	583,598	628,030
DPM	HOSE	379.9	12,271.88	0.15%	32.3	6.44	1.40	847,827	889,035	1,426,451
BVH	HOSE	680.5	29,192.22	0.08%	42.9	22.97	2.26	205,261	194,988	360,070

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

04 July 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,945	5.8	0.9	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,181	6.8	1.4	20.8%	15.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,815	23.5	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	785	8.1	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,068	20.6	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,605	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	12,117	52.9	5.0	2.1%	1.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,963	17.5	1.4	11.5%	8.2%
Xây dựng	29,732	- 35.0	1.1	-4.2%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,169	7.5	1.2	17.8%	9.4%
Công nghiệp phức hợp	842	4.4	1.0	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,743	9.9	1.0	7.7%	3.8%
Thiết bị điện	1,661	- 17.7	0.7	-0.1%	-1.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,332	6.4	1.4	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,362	- 2.8	0.9	3.6%	0.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,162	14.1	1.4	14.3%	10.9%
Dịch vụ vận tải	5,816	8.6	1.5	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,488	10.6	1.4	13.9%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	201	9.5	0.6	8.3%	2.7%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.8	10.4%	4.6%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,698	9.6	1.2	12.8%	7.4%
Lốp xe	7,726	9.4	2.6	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,829	7.1	1.1	15.9%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	368	13.7	2.3	18.7%	11.5%
Đồ uống & giải khát	260	7.4	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,837	9.7	1.3	14.4%	6.4%
Thực phẩm	200,607	22.9	4.8	21.8%	16.9%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	54	43.0	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,150	8.3	0.9	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	152	8.5	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,169	8.8	1.5	17.8%	7.0%
Giầy dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,762	8.6	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	692	- 8.3	1.0	0.9%	4.4%

Market Highlight

VietinBankSc

04 July 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	858	15.4	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	145	3.5	1.8	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,532	12.1	3.1	25.7%	16.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	297	38.9	0.9	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	733	13.1	1.1	12.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,271	9.1	1.3	14.2%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,021	8.1	0.9	12.4%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	211	9.2	4.0	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,660	35.4	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,246	28.2	1.4	15.2%	12.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,234	10.9	2.2	16.6%	14.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	61	14.3	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	565	22.4	0.7	3.2%	1.2%
Internet	363	76.6	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,870	10.4	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	440	15.7	0.8	4.0%	1.6%
Thiết bị văn phòng	268	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,121	14.3	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,005	- 5.6	1.2	-6.9%	3.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,623	18.1	5.8	32.9%	22.1%
Nước	1,183	6.4	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,181	5.3	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,604	12.5	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,766	7.8	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,308	23.0	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,360	49.4	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	26,255	14.2	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,891	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	134,771	11.4	2.4	27.2%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	14.2	0.7	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,587	10.1	2.0	20.4%	8.4%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.